TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KT** **TỈNH KT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ	*Tp. KT, ngày 18 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình Th lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 về "*Ly hôn, yêu cầu nuôi con*", giữa:

- *NguY đơn*: Chị Lê Thị M, sinh năm 1984;
  Địa chỉ: 32/2 HVT, Tổ 6, phường Qt, thành phố KonTum, tỉnh KT.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1987;
  Địa chỉ: 16 E Hà Thanh, phường Vt, thành phố Nt, tỉnh Kh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Thành T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Thành T thuận tình ly hôn.

- *Nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Lê Vũ Y, sinh ngày 03/10/2012 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom chăm sóc để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Thành T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M nhận nộp toàn bộ tiền án phí 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0000620 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố KT. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị M **150.000** *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh KT;
- VKSND TP KT;
- Chi cục THADS TP KT;
- UBND P.Qt, TP KT, KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN XUÂN HOÀI